

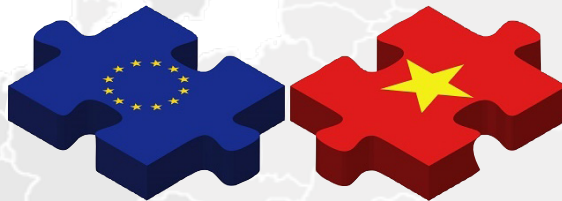
BỘ CÔNG THƯƠNG



CHUYÊN SAN

THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

SỐ QUÝ 4/2024





Đơn vị thực hiện:

Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ liên hệ:

655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

2 TỔNG QUAN

3 - 27 THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

- Năm 2024, hoạt động thương mại Việt Nam – EU phục hồi mạnh
- Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với thị trường Bắc Âu ghi nhận dấu hiệu tích cực
- Xuất khẩu hàng hóa sang Italia tăng trưởng khả quan, bất chấp kinh tế nước này chậm lại
- Xuất khẩu hàng công nghệ sang EU tăng mạnh nhất trong nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng
- Năm 2024 xuất khẩu thủy sản tới EU vượt 1 tỷ USD, dự báo tiếp tục tăng trong năm 2025

28 - 33 THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

- Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối tăng

34 - 36 THÔNG TIN CHÍNH SÁCH

- EU tăng cường kiểm tra nông sản Việt Nam từ ngày 08/01/2025
- Doanh nghiệp cần cập nhật về lộ trình áp dụng Quy định EUDR



Kinh tế EU bước vào năm 2024 với nỗi lo suy thoái khi phải đối mặt với hàng loạt thách thức như bất ổn chính trị, lạm phát và lãi suất ở mức cao. Tuy nhiên, điều đó đã không xảy ra khi GDP của khu vực tăng trưởng nhẹ, lạm phát đến cuối năm 2024 gần đạt mục tiêu 2%, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống thấp kỷ lục, trong khi thu nhập khả dụng của hộ gia đình tiếp tục tăng. Theo Dự báo Kinh tế mùa Thu, Ủy ban châu Âu dự kiến GDP của EU sẽ tăng trưởng 0,9% trong năm 2024 và tăng trưởng cao hơn lên mức 1,5% vào năm 2025.

Lạm phát tại EU có xu hướng giảm trong cả năm 2024, đặc biệt giảm nhanh trong quý III/2024 sau đó tăng nhẹ về cuối năm, song vẫn quanh mức 2%. Cụ thể, lạm phát hàng năm của EU giảm từ 4,9% tháng 9/2023 xuống 2,1% vào tháng 9/2024; về cuối năm 2024, lạm phát ở EU có dấu hiệu tăng trở lại, ở mức 2,5% vào tháng 11/2024, cao hơn mức 2,3% vào tháng 10/2024.

Thị trường lao động phát triển thuận lợi khi chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp ở EU tháng 10/2024 ở mức thấp kỷ lục 5,9%, so với 6,1% một năm trước đó. Tỷ lệ thất nghiệp thấp kết hợp với thu nhập thực tế tiếp tục tăng giúp nâng cao thu nhập khả dụng của hộ gia đình.

Lãi suất được điều chỉnh giảm dần cũng tạo động lực thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng. Trong năm 2024, ECB đã hạ lãi suất 4 lần, gần nhất là ngày 12/12/2024, đưa lãi suất về mức 3%, thấp nhất kể từ tháng 3/2023.

Tuy nhiên, kinh tế khu vực tăng trưởng ở mức thấp do còn nhiều trở ngại từ cả bên trong cũng như bên ngoài khối và tình trạng các nền kinh tế thành viên tăng trưởng không đồng đều, ảnh hưởng đến hoạt động thương mại của EU. Theo Eurostat, trong 10 tháng năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối đạt 2.149,6 tỷ EUR, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2023; nhập khẩu đạt 2.029,9 tỷ EUR, giảm 4,6%

so với cùng kỳ năm 2023. Kết quả là thặng dư thương mại của EU với phần còn lại của thế giới là 119,7 tỷ EUR (cùng kỳ năm 2023 thặng dư 1,1 tỷ EUR). Thương mại hàng hóa nội khối của EU là 3.376,9 tỷ EUR, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của EU suy giảm, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường này tăng mạnh cho thấy những lợi thế mà Hiệp định EVFTA mang lại cho hàng hóa của Việt Nam. Trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU ước đạt 51,7 tỷ USD, tăng 18,5% so với năm 2023.

Năm 2025, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng, nhưng tốc độ tăng sẽ chậm lại do mức nền cao của năm 2024 và kinh tế khu vực vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Cùng với đó, việc EU đi vào triển khai nhiều quy định mới sẽ tác động đáng kể đến trao đổi thương mại với khu vực thị trường này.



Năm 2024, hoạt động thương mại

VIỆT NAM – EU

phục hồi mạnh



Năm 2024, bất chấp kinh tế Liên minh châu Âu phục hồi chậm, hoạt động thương mại giữa Việt Nam và EU vẫn sôi động, cho thấy những lợi thế mà Hiệp định EVFTA mang lại cho cả hai bên. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, 11 tháng năm 2024, kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và EU đạt 62,6 tỷ USD, tăng

16,7% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 8,7% trong tổng kim ngạch của cả nước. EU duy trì vị trí đối tác thương mại lớn thứ 4 của Việt Nam sau Trung Quốc, Mỹ và Hàn Quốc. Trong 11 tháng năm 2024, Việt Nam xuất siêu sang thị trường EU 32,17 tỷ USD, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – EU

	11 tháng năm 2024 (triệu USD)	So với 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	62.637	16,7
Xuất khẩu	47.406	18,4
Nhập khẩu	15.231	11,6
Cán cân thương mại	32.175	

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 47,4 triệu USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 12,8% trong tổng xuất khẩu của cả nước. Theo ước tính, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 2024 đạt 51,7 tỷ USD, tăng 18,5% so với năm 2023.

Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường EU năm 2024 tăng mạnh do mức nền thấp của năm 2023 và nhu cầu tiêu dùng của EU có dấu hiệu cải thiện khi lạm phát và lãi suất cùng giảm. Cùng với đó, ưu đãi từ Hiệp định EVFTA là trợ lực giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt

Nam tại thị trường EU. Đáng ghi nhận trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của thị trường EU suy giảm, nhập khẩu hàng hóa từ Việt Nam vẫn tăng trưởng tích cực. Theo số liệu thống kê của Eurostat, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của EU trong 10 tháng năm 2024 giảm 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Về cơ cấu thị trường xuất khẩu: Trong 11 tháng năm 2024, tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang khu vực Tây Âu và Nam Âu giảm, trong khi tỷ trọng xuất khẩu sang Đông Âu và Bắc Âu tăng.

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang khu vực Tây Âu giảm từ 61,1% cùng kỳ

năm 2023 xuống còn 58,4% trong 11 tháng năm 2024. Tại khu vực Tây Âu, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Hà Lan, Bỉ và Luxembourg tăng mạnh, trong khi xuất khẩu sang Đức và Pháp tăng trưởng lần lượt 5,5% và 7,6%.

Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nam Âu giảm từ 21,4% trong 11 tháng năm 2023 xuống còn 20,4% trong 11 tháng năm 2024. Trong đó, xuất khẩu sang 2 thị trường lớn nhất là Italy và Tây Ban Nha tăng, trong khi xuất khẩu sang Bồ Đào Nha và Hy Lạp giảm...

Đông Âu là khu vực thị trường ghi nhận tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao nhất, tăng 48,7% trong 11 tháng năm 2024. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang tất cả các thị trường trong khu vực đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước với mức tăng mạnh nhất là Séc (101%), thấp nhất là Ba Lan (24,5%).

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường Bắc Âu trong 11 tháng năm 2024 tăng 32,7% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 6,1% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU. Trong đó, xuất khẩu sang Ai Len bứt tốc với mức tăng 159,9% so với cùng kỳ năm 2023, lên 922,6 triệu USD.

Thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong khối EU 11 tháng năm 2024

Thị trường	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng	47.406.062	18,4	100,0	100,0
Tây Âu	27.694.496	13,1	58,4	61,1
Hà Lan	11.830.913	27,5	25,0	23,2
Đức	7.203.979	5,5	15,2	17,0
Bỉ	3.475.231	17,4	7,3	7,4
Pháp	3.111.671	7,6	6,6	7,2
Áo	1.921.218	-21,1	4,1	6,1
Luxembourg	151.484	48,9	0,3	0,3
Nam Âu	9.661.517	12,8	20,4	21,4
Italy	4.553.098	10,7	9,6	10,3
Tây Ban Nha	3.716.697	22,3	7,8	7,6
Bồ Đào Nha	503.383	-1,5	1,1	1,3
Slovenia	369.014	0,9	0,8	0,9
Hy Lạp	356.519	-1,2	0,8	0,9
Croatia	81.771	1,1	0,2	0,2
Síp	60.291	20,2	0,1	0,1
Malta	20.745	-54,1	0,0	0,1
Đông Âu	7.137.125	48,7	15,1	12,0
Ba Lan	2.800.859	24,5	5,9	5,6
Séc	1.621.787	101,0	3,4	2,0
Slovakia	1.543.526	58,7	3,3	2,4
Hungary	644.721	70,6	1,4	0,9

Thị trường	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Romania	347.309	34,5	0,7	0,6
Bulgaria	178.923	34,2	0,4	0,3
Bắc Âu	2.912.924	32,7	6,1	5,5
Thụy Điển	951.364	7,1	2,0	2,2
Ai Len	922.637	159,9	1,9	0,9
Đan Mạch	400.313	27,4	0,8	0,8
Latvia	235.007	-15,3	0,5	0,7
Phần Lan	192.913	3,2	0,4	0,5
Litva	163.649	17,7	0,3	0,3
Estonia	47.041	37,1	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng:

Trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu nhiều mặt hàng sang thị trường EU tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2023, trong khi xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện; đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận; kim loại thường khác; gạo... giảm. Đáng chú ý, sau khi giảm trong năm 2023, xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng như dệt may, da giày năm 2024 đã phục hồi trở lại và đạt mức tăng trưởng 2 con số. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép các loại 11 tháng năm 2024 đạt 5,18 tỷ USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023; xuất khẩu hàng dệt may đạt 3,8 tỷ USD, tăng 11,6%. Bên cạnh đó, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam sang thị trường EU tiếp tục đà tăng trưởng tích cực như: cà phê đạt 1,9 tỷ USD, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm 2023; hạt điều đạt 771 triệu USD, tăng 22,2%; hạt tiêu đạt 215,3 triệu USD, tăng 99,4%...

Trong đó, một số mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao gồm:

Xuất khẩu hạt tiêu đạt 38,4 nghìn tấn, trị giá 215,3 triệu USD, tăng 47,2% về lượng và tăng 99,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024, ngành hàng hạt tiêu được hưởng lợi bởi giá hạt tiêu tăng mạnh so với năm ngoái và nhu cầu nhập khẩu của thị trường EU gia tăng. Theo thống kê của

Eurostat, nhập khẩu hạt tiêu của EU từ thị trường ngoài khối trong 10 tháng năm 2024 đạt 551 triệu Euro, tăng 33,5% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam là thị trường cung cấp hạt tiêu lớn nhất cho EU và cũng là thị trường có kim ngạch tăng mạnh nhất trong số các thị trường cung cấp lớn, tăng 73,6% so với cùng kỳ năm 2023, đưa thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU lên 33,2% trong 10 tháng năm 2024 so với mức 25,5% của cùng kỳ năm 2023, đạt 182,8 triệu Euro.

Xuất khẩu cao su đạt 73,2 nghìn tấn, trị giá 128,7 triệu USD, tăng 41,3% về lượng và tăng 74,3% về trị giá. Xuất khẩu cao su của Việt Nam tăng mạnh hơn nhiều so với mức tăng nhập khẩu của EU cho thấy mặt hàng này của Việt Nam đã bắt đầu thu hút được sự chú ý của các nhà nhập khẩu trong khu vực. Theo số liệu thống kê của Eurostat, nhập khẩu mặt hàng cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của EU từ thị trường ngoài khối trong 10 tháng năm 2024 đạt 4,165 tỷ Euro (4,344 tỷ USD), tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, với tốc độ tăng trưởng khả quan, tăng 34,4%, thị phần cao su Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU cũng đã cải thiện từ mức 2,1% trong 10 tháng năm 2023 lên 2,6% trong 10 tháng năm 2024.

Xuất khẩu sản phẩm hóa chất đạt 23,7 triệu USD, tăng 70,3% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam sang EU tăng mạnh trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của thị trường giảm cho thấy khả năng cạnh tranh của nhóm sản phẩm này đã cải thiện. Trong 10 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu sản phẩm hóa chất của EU đạt 23 tỷ Euro, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm trước, với nhập khẩu từ Trung Quốc

giảm 23,4%, Hàn Quốc giảm 40% và Nhật Bản giảm 11,6%... Trong khi đó, nhập khẩu từ Việt Nam tăng 26,7% lên 50 triệu Euro.

Các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao tiếp theo phải kể đến như: Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện tăng 62,7%, đạt 395,2 triệu USD; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 7,8 tỷ USD, tăng 55,5%...

Mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng EU		47.406.062		18,4
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		7.805.444		55,5
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		6.397.817		25,9
Giày dép các loại		5.177.807		18,0
Điện thoại các loại và linh kiện		5.981.352		-10,7
Hàng dệt, may		3.855.168		11,6
Cà phê	477.859	1.893.206	-8,2	50,4
Phương tiện vận tải và phụ tùng		1.168.928		5,5
Sắt thép các loại	2.721.918	1.936.189	9,2	2,4
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		865.551		13,1
Hàng thủy sản		926.086		11,9
Hạt điều	132.127	771.083	17,4	22,2
Gỗ và sản phẩm gỗ		461.588		27,2
Sản phẩm từ chất dẻo		605.054		25,7
Sản phẩm từ sắt thép		602.892		9,8
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện		395.176		62,7
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận		399.058		-24,4
Chất dẻo nguyên liệu	239.737	258.680	17,4	18,2
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		170.106		8,4
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		205.181		13,8
Hàng rau quả		214.128		-0,6
Hạt tiêu	38.405	215.278	47,2	99,4
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		170.072		38,7
Kim loại thường khác và sản phẩm		175.584		-20,0
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		85.874		9,9

Mặt hàng	11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Sản phẩm từ cao su		107.248		38,5
Sản phẩm gốm, sứ		63.877		15,3
Hóa chất		61.440		22,9
Xơ, sợi dệt các loại	23.568	73.463	10,9	0,7
Vải màn, vải kỹ thuật khác		49.839		22,0
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ		27.686		48,7
Cao su	73.194	128.732	41,3	74,3
Than các loại	58.753	16.409	12,6	-17,0
Gạo	27.275	21.987	-32,4	-18,9
Sản phẩm hóa chất		23.736		70,3
Dây điện và dây cáp điện		32.917		3,9
Giấy và các sản phẩm từ giấy		2.676		-17,2
Chè	767	1.893	8,2	13,5
Hàng hóa khác		6.056.856		21,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Năm 2025, hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng, nhưng tốc độ tăng sẽ chậm lại do mức nền cao của năm 2024 và kinh tế khu vực vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. Cùng với đó, việc EU dần triển khai các quy định mới, đáng chú ý như Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM); Quy định về chuỗi cung ứng chống phá rừng (EUDR); Chỉ thị thẩm định chuỗi cung ứng (CS3D)... cũng tạo ra nhiều thách thức đối với xuất khẩu của Việt Nam.

Dự kiến những mặt hàng xuất khẩu tiềm năng trong năm 2025 gồm: Nhóm hàng

công nghiệp tiêu dùng như: giày dép, dệt may, sản phẩm gỗ... sẽ tiếp tục tăng trưởng khả quan; Nhóm hàng công nghệ cao như máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện sẽ tiếp tục tăng, nhưng mức tăng sẽ chậm lại so với năm 2024.



Về nhập khẩu

Hoạt động nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường EU trong năm 2024 cũng phục hồi trở lại sau mức giảm 3% của năm 2023. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU đạt 15,23 tỷ USD, tăng 11,7% so với cùng kỳ năm

2023. Ước tính, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ EU năm 2024 đạt 16,68 tỷ USD, tăng 11,6% so với năm 2023. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ hầu hết các thị trường trong EU tăng so với cùng kỳ năm 2023, trừ nhập khẩu từ Hungary, Slovenia, Slovakia, Litva, Estonia... giảm.

Thị trường cung cấp hàng hóa cho Việt Nam trong EU 11 tháng năm 2024

Thị trường	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
EU	15.230.799	11,7	100,0	100,0
Tây Âu	6.994.448	8,1	45,9	47,4
Đức	3.420.832	1,5	22,5	24,7
Pháp	1.758.137	15,7	11,5	11,1
Hà Lan	712.499	16,5	4,7	4,5
Bỉ	605.271	10,7	4,0	4,0
Áo	415.294	14,5	2,7	2,7
Luxembourg	82.414	39,1	0,5	0,4
Bắc Âu	4.285.802	20,7	28,1	26,0
Ai Len	3.413.716	21,4	22,4	20,6
Thụy Điển	391.800	25,3	2,6	2,3
Đan Mạch	213.836	9,0	1,4	1,4
Phần Lan	199.002	22,5	1,3	1,2
Litva	26.831	-13,0	0,2	0,2
Estonia	20.468	-2,4	0,1	0,2
Latvia	20.148	21,7	0,1	0,1
Nam Âu	2.913.916	18,5	19,1	18,0
Italy	1.797.846	21,3	11,8	10,9
Tây Ban Nha	653.813	13,2	4,3	4,2
Hy Lạp	101.217	24,1	0,7	0,6
Bồ Đào Nha	152.150	36,8	1,0	0,8
Slovenia	100.534	-6,7	0,7	0,8
Síp	42.434	7,1	0,3	0,3
Croatia	40.006	16,2	0,3	0,3
Malta	25.918	2,4	0,2	0,2
Đông Âu	1.036.634	-10,5	6,8	8,5
Ba Lan	350.559	3,0	2,3	2,5
Hungary	207.569	-49,1	1,4	3,0
Séc	207.574	33,1	1,4	1,1
Romania	144.735	9,8	1,0	1,0
Bulgaria	70.259	18,2	0,5	0,4
Slovakia	55.938	-10,7	0,4	0,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng, trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch nhập khẩu nhiều mặt hàng chủ lực từ EU tăng so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao hầu hết thuộc nhóm sản phẩm cần nhập khẩu như: phân bón các loại đạt 126,2 nghìn tấn, trị giá 52,3 triệu USD, tăng 50,2% về lượng và tăng 56,5% về trị giá; xơ, sợi dệt các loại đạt 8,2 nghìn tấn, trị giá 25,2 triệu USD, tăng

64,9% về lượng và tăng 54,5% về trị giá; thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh đạt 23,3 triệu USD, tăng 39,9%; kim loại thường đạt 7,4 nghìn tấn, trị giá 48,8 triệu USD, tăng 46,9% về lượng và tăng 30,6% về trị giá; nguyên phụ liệu, dệt may, da giày đạt 258,5 triệu USD, tăng 20,7%... Ở chiều ngược lại, nhập khẩu hóa chất, sữa và sản phẩm sữa, chế phẩm thực phẩm khác... giảm.

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường EU trong 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng EU		15.230.799		11,7
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		2.784.317		5,9
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		3.374.030		20,1
Dược phẩm		2.069.380		29,0
Sản phẩm hóa chất		640.257		13,0
Hóa chất		436.330		-9,7
Sữa và sản phẩm sữa		232.742		-4,9
Phương tiện vận tải khác và phụ tùng		311.335		97,0
Chất dẻo nguyên liệu	59.877	218.408	4,4	7,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		258.504		20,7
Vải các loại		175.270		7,8
Sản phẩm từ chất dẻo		167.526		10,9
Sản phẩm từ sắt thép		165.031		4,1
Gỗ và sản phẩm gỗ		206.545		11,8
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh		126.045		11,7
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		94.450		-22,2
Thức ăn gia súc và nguyên liệu		133.686		-42,1
Chế phẩm thực phẩm khác		95.919		-10,6
Linh kiện, phụ tùng ô tô		98.085		-39,3
Giấy các loại	60.002	73.959	-15,5	-4,8
Sắt thép các loại	15.522	64.512	-29,7	-23,7
Phân bón các loại	126.219	52.333	50,2	56,5
Kim loại thường khác	7.427	48.841	46,9	30,6
Sản phẩm từ cao su		41.264		1,6
Xơ, sợi dệt các loại	8.239	25.260	64,9	54,5
Thuốc trừ sâu và nguyên liệu		56.150		0,6

▶ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - EU

Mặt hàng	11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Dây điện và dây cáp điện		24.337		-3,4
Ô tô nguyên chiếc các loại	259	18.672	-81,5	-82,6
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc		13.032		14,5
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh		23.307		39,9
Sản phẩm từ kim loại thường khác		16.053		23,6
Cao su	7.307	20.486	28,2	5,6
Hàng thủy sản		20.242		-28,5
Nguyên phụ liệu dược phẩm		28.083		-7,7
Sản phẩm khác từ dầu mỏ		18.280		5,2
Hàng điện gia dụng và linh kiện		13.368		-10,1
Nguyên phụ liệu thuốc lá		5.069		-12,7
Quặng và khoáng sản khác	2.364	6.090	-39,9	-36,6
Sản phẩm từ giấy		2.771		-30,9
Điện thoại các loại và linh kiện		63		12,5
Hàng hóa khác		3.070.768		14,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



Hoạt động thương mại giữa Việt Nam với THỊ TRƯỜNG BẮC ÂU

ghi nhận dấu hiệu tích cực

Bất chấp những thách thức dai dẳng sau đại dịch, kinh tế các nước Bắc Âu đã cho thấy khả năng phục hồi ấn tượng. Theo đó, hoạt động thương mại giữa Việt Nam và các nước Bắc Âu thuộc EU đã ghi nhận những dấu hiệu tích cực.

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và khu vực này đạt 7,19 tỷ USD, tăng 25,3% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam thâm hụt thương mại với khu vực trong 11 tháng năm 2024 ở mức 45,84 triệu USD, thấp

hơn so với mức 169,87 triệu USD của cùng kỳ năm 2023.

Theo ước tính năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam – Bắc Âu trong EU đạt 7,85 tỷ USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này đạt 3,2 tỷ USD, tăng 34,6%; nhập khẩu đạt 4,65 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam thâm hụt thương mại với các nước Bắc Âu trong khu vực EU trong năm 2024 ở mức 1,44 tỷ USD, thấp hơn so với mức 1,53 tỷ USD của cùng kỳ năm 2023.

Kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam – Bắc Âu trong EU 11 tháng năm 2024

	Tháng 11/2024 (nghìn USD)	So với tháng 11/2023 (%)	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Xuất nhập khẩu	588.640	5,7	7.198.726	25,3
Xuất khẩu	271.399	40,3	2.912.924	32,7
Nhập khẩu	317.241	-12,7	4.285.802	20,7
Cán cân thương mại	-45.842	-73,0	-1.372.878	1,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu:

Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang hầu hết các thị trường trong khu vực Bắc Âu tăng so với cùng kỳ năm 2023, trừ Latvia. Đáng chú ý, xuất khẩu sang Ai Len đạt mức tăng mạnh nhất với mức tăng 159,9%, Estonia tăng 37,1%, Đan Mạch tăng 27,4% và Thụy Điển tăng 7,1%...

Tại Thụy Điển, nền kinh tế nước này được nhận định sẽ phục hồi mạnh mẽ, với dự kiến tăng trưởng GDP tăng nhanh vào năm 2025. Việc cắt giảm lãi suất của Ngân hàng

Trung ương Thụy Điển Riksbank sẽ tác động tích cực đến niềm tin và chi tiêu của người tiêu dùng. Trong tháng 10/2024, doanh số bán lẻ của Thụy Điển đã tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Tại Phần Lan, nền kinh tế đã thoát khỏi suy thoái, nhưng quá trình phục hồi dự kiến sẽ chậm. Tăng trưởng GDP dự kiến đạt 1,5-1,8% vào năm 2025 và 2026. Lạm phát sẽ tiếp tục giảm và chi tiêu tiêu dùng tại Phần Lan được đánh giá sẽ tiếp tục cải thiện vào cuối năm 2024 và 2025.

Xuất khẩu của Việt Nam tới các thị trường Bắc Âu 11 tháng năm 2024

Thị trường	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 11 tháng năm 2023 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 11 tháng năm 2023 (%)
Tổng	2.912.924	32,7	100,0	100,0
Thụy Điển	951.364	7,1	32,7	40,5
Ai Len	922.637	159,9	31,7	16,2
Đan Mạch	400.313	27,4	13,7	14,3
Latvia	235.007	-15,3	8,1	12,6
Phần Lan	192.913	3,2	6,6	8,5
Litva	163.649	17,7	5,6	6,3
Estonia	47.041	37,1	1,6	1,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về mặt hàng xuất khẩu:

Trong 11 tháng năm 2024, nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Bắc Âu thuộc EU ghi nhận mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2023, điển hình là kim loại thường khác và sản phẩm tăng 95,7%, cao su tăng 67%, sản phẩm từ sắt thép tăng 61,4% hạt điều tăng 58,1%, sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ tăng 48,7%, hàng thủy sản tăng 27,1%...

Điện thoại các loại và linh kiện là mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam sang Bắc Âu thuộc EU trong 11 tháng năm 2024, đạt 325,72 triệu USD, giảm 13,5% so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện của Việt Nam sang khu vực này giảm do nhu cầu nhập khẩu của thị trường giảm. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu điện thoại các loại và linh kiện (HS 8517) của thị trường Bắc Âu thuộc EU trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 10,05 tỷ EUR, giảm 6,4% so với cùng kỳ năm 2023. Hà Lan, Trung Quốc, Thụy Điển và Việt Nam là 4 nguồn cung lớn nhất mặt hàng này tại khu vực. Nhu cầu vẫn ở mức khiêm tốn trong bối cảnh vòng đời thiết bị dài hơn là nguyên nhân khiến nhập khẩu điện thoại các loại và linh kiện của Bắc Âu giảm. Mặc dù vậy, xuất khẩu điện thoại các loại và linh kiện sang thị trường Bắc Âu vẫn được đánh giá có nhiều triển vọng nhờ thanh

toán trực tuyến là một lĩnh vực tăng trưởng quan trọng, đặc biệt là ở Thụy Điển và Đan Mạch, sẽ có tác động đến nhu cầu sử dụng smartphone của người tiêu dùng.

Thủy sản là một trong những mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Bắc Âu có kim ngạch tăng trưởng cao trong 11 tháng năm 2024, mặc dù nhu cầu nhập khẩu của thị trường này giảm. Theo số liệu thống kê của Eurostat, kim ngạch nhập khẩu hàng thủy sản (HS 03) của thị trường Bắc Âu trong 9 tháng đầu năm 2024 giảm 3,8% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, nhập khẩu từ thị trường đứng đầu là Na Uy giảm 4,1%, Thụy Điển giảm 3,9%, trong khi nhập khẩu từ Đan Mạch tăng 4,8%. Việt Nam đứng thứ 15 trong số các nguồn cung thủy sản vào thị trường Bắc Âu trong 9 tháng đầu năm 2024.

Cà phê là một trong những mặt hàng nông sản xuất khẩu tiềm năng của Việt Nam sang thị trường Bắc Âu. Theo số liệu của Eurostat, nhập khẩu cà phê (HS 0901) của thị trường Bắc Âu trong 9 tháng đầu năm 2024 từ Việt Nam tăng 27,4% so với cùng kỳ năm 2023, cao hơn mức tăng trưởng chung 4,1%. Mặc dù vậy, nhập khẩu cà phê của thị trường Bắc Âu vẫn chủ yếu từ Braxin, Đức hay Thụy Điển với thị phần của ba nhà cung ứng này chiếm 35,7%. Các nước Bắc Âu luôn được xếp hạng cao nhất thế giới về

mức tiêu thụ cà phê bình quân đầu người, trong đó Phần Lan đứng đầu danh sách, với mức trung bình mỗi người Phần Lan tiêu thụ khoảng 12 kg cà phê mỗi năm. Theo sau là Thụy Điển, với mỗi người dân tiêu thụ khoảng 9-10 kg mỗi năm. Nhu cầu cao khiến các nước Bắc Âu trở thành thị trường tiềm năng đối với các quốc gia xuất khẩu cà

phê, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, người tiêu dùng Bắc Âu rất quan tâm đến tính bền vững và tiêu dùng có đạo đức. Họ có nhu cầu đáng kể đối với cà phê có chứng nhận thương mại công bằng, hữu cơ và có nguồn gốc bền vững. Do đó, các nhà xuất khẩu cà phê nên chú ý đến các tiêu chuẩn này để có chỗ đứng tại thị trường này.

Mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Bắc Âu 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	11 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng (tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng	Kim ngạch	11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2023
Tổng		2.912.924		32,7	100,0	100,0
Điện thoại các loại và linh kiện		325.720		-13,5	11,2	11,2
Hàng dệt, may		158.219		12,6	5,4	5,4
Sản phẩm từ sắt thép		169.472		61,4	5,8	5,8
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		136.890		8,4	4,7	4,7
Hàng thủy sản		107.720		27,1	3,7	3,7
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		95.583		18,1	3,3	3,3
Giày dép các loại		82.222		9,3	2,8	2,8
Gỗ và sản phẩm gỗ		52.113		20,8	1,8	1,8
Hạt điều	8.684	51.844	41,8	58,1	1,8	1,8
Sản phẩm từ chất dẻo		47.985		44,8	1,6	1,6
Túi xách, ví, vali, mũ và ô dù		40.655		32,3	1,4	1,4
Dây điện và dây cáp điện		28.681		5,7	1,0	1,0
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ		27.686		48,7	1,0	1,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		20.883		46,9	0,7	0,7
Phương tiện vận tải và phụ tùng		15.574		7,3	0,5	0,5
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận		14.332		-0,1	0,5	0,5
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm		14.724		11,8	0,5	0,5
Chất dẻo nguyên liệu	13.333	14.575	10,8	16,4	0,5	0,5
Hàng rau quả		10.009		32,6	0,3	0,3
Cà phê	1.262	4.497	-44,3	-29,7	0,2	0,2
Sản phẩm gốm, sứ		6.150		39,1	0,2	0,2
Cao su	937	1.720	32,9	67,0	0,1	0,1
Kim loại thường khác và sản phẩm		807		95,7	0,0	0,0
Hàng hóa khác		1.484.862		59,3	51,0	51,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của thị trường Bắc Âu sẽ tăng trưởng trong thời gian tới do triển vọng kinh tế lạc quan. Đây là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa và mở rộng thị phần tại khu vực này. Theo số liệu Eurostat, trong 9 tháng đầu năm 2024, trong khi nhập khẩu của

khu vực Bắc Âu từ hầu hết các thị trường lớn như Đức, Hà Lan, Mỹ, Trung Quốc... giảm so với cùng kỳ năm 2023, nhập khẩu từ Việt Nam vẫn tăng tới 29,1%, dù vậy Việt Nam mới chiếm 0,64% thị phần, tăng so với mức 0,48% của cùng kỳ năm 2023.

Về nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường Bắc Âu trong 11 tháng năm 2024 đạt 4,28 tỷ USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam nhập khẩu từ thị trường Bắc Âu chủ yếu là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện với tỷ trọng chiếm tới 72,5%, chủ yếu là từ Ai Len.

Việt Nam tăng nhập khẩu một số mặt hàng máy móc, nguyên liệu sản xuất từ thị trường Bắc Âu như máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tăng 46,6%, dược phẩm tăng 32,1%, sản phẩm từ chất dẻo tăng 24,4%, dây điện và dây cáp điện tăng 45,4%...

Mặt hàng nhập khẩu từ thị trường Bắc Âu 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	11T/2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng (%)	
	Lượng (tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng	Kim ngạch	Năm 2024	Năm 2023
Tổng		4.285.802		21,3	100,0	100,0
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện		3.105.320		21,6	72,5	71,9
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác		354.355		46,6	8,3	6,8
Dược phẩm		310.708		32,1	7,2	6,6
Sản phẩm hóa chất		72.850		-0,6	1,7	2,1
Sữa và sản phẩm sữa		60.074		15,8	1,4	1,5
Giấy các loại	48.990	47.239	-20,4	-17,1	1,1	1,6
Hàng thủy sản		15.457		-35,6	0,4	0,7
Gỗ và sản phẩm gỗ		18.022		-3,7	0,4	0,5
Chế phẩm thực phẩm khác		11.179		-46,6	0,3	0,6
Sắt thép các loại	4.183	14.027	-5,3	-19,4	0,3	0,5
Sản phẩm từ chất dẻo		16.676		24,4	0,4	0,4
Sản phẩm từ sắt thép		13.531		24,4	0,3	0,3
Chất dẻo nguyên liệu	717	2.937	9,6	25,5	0,1	0,1
Sản phẩm khác từ dầu mỏ		2.497		-4,3	0,1	0,1
Dây điện và dây cáp điện		2.384		45,4	0,1	0,0
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh		1.003		-30,3	0,0	0,0
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày		300		99,7	0,0	0,0
Phế liệu sắt thép		0		-100,0	0,0	0,0
Điện thoại các loại và linh kiện		63		12,5	0,0	0,0
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm		0		-100,0	0,0	0,0
Hàng hóa khác		237.178		5,3	5,5	6,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu hàng hóa sang Italia TĂNG TRƯỞNG KHẢ QUAN bất chấp kinh tế nước này chậm lại



Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Italia đạt 6,35 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Việt Nam xuất khẩu 4,55 tỷ USD hàng hoá sang Italia, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2023; nhập khẩu 1,79 tỷ USD hàng hoá từ Italia, tăng 21,3%. Việt Nam xuất siêu 2,75 tỷ USD hàng hóa sang thị trường này trong 11 tháng năm 2024, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Với kết quả này, Italia hiện là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam tại EU, chiếm tỷ trọng 10,1% tổng kim ngạch thương

mại giữa Việt Nam và EU trong 11 tháng năm 2024. Đây là kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế Italia tăng trưởng chậm lại, nhập khẩu hàng hóa suy giảm. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), tính đến hết tháng 9/2024, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Italia đạt 423,06 tỷ EUR, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2023. Việt Nam hiện đứng thứ 27 về xuất khẩu hàng hóa vào Italia với kim ngạch đạt 3,35 tỷ EUR, giảm 0,04% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 0,79% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của nước này, tăng nhẹ so với mức 0,75% của cùng kỳ năm 2023.

Theo ước tính, năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam – Italia đạt 6,98 tỷ USD, tăng 14,4% so với năm 2023, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Italia đạt 5 tỷ USD, tăng 11,8%; nhập khẩu từ Italia đạt 1,97 tỷ USD, tăng 21,5%. Việt Nam dự báo xuất siêu sang thị trường Italia 3,02 tỷ USD năm 2024, tăng 6,2% so với năm 2023.

Tính riêng quý IV/2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Italia ước đạt 1,87 tỷ USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Italia đạt 1,32 tỷ USD, tăng 20,3%; nhập khẩu từ Italia đạt 544,52 triệu USD, tăng 37,6%. Việt Nam xuất siêu 782,96 triệu USD hàng hóa sang Italia trong quý IV/2024, tăng so với mức 707,68 triệu USD của cùng kỳ năm 2023.

Trao đổi thương mại giữa Việt Nam và Italia trong tháng 11 và 11 tháng năm 2024

	Tháng 11/2024 (nghìn USD)	So với quý tháng 10/2024 (%)	So với tháng 11/2023 (%)	11T/2024 (nghìn USD)	So với 11T/2023 (%)
Tổng xuất nhập khẩu	582.356	-11,7	12,6	6.350.944	13,5
Xuất khẩu	407.805	-13,2	6,7	4.553.098	10,7
Nhập khẩu	174.551	-8,1	29,3	1.797.846	21,3
Cán cân thương mại	233.253	-16,6	-5,6	2.755.252	4,7

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu:

Trong 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang Italia đều ghi nhận mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2023 như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 552,88 triệu USD, tăng 2,6 lần so với cùng kỳ năm 2023; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng tăng 26,6%, đạt 430,33 triệu USD; giày dép các loại đạt 410,14 triệu USD, tăng 23,1%; cà phê đạt 402,66 triệu USD, tăng 43,3%, hàng dệt may đạt 310,65 triệu USD, tăng 13,3%... Tuy nhiên, sắt thép các loại giảm 23,6%, xuống còn 771,45 triệu USD; điện thoại các loại và linh kiện giảm 14,7%, đạt 478,1 triệu USD.

cạnh tranh từ một số đối thủ lớn, đặc biệt là Braxin khi thị phần cà phê của Braxin tại Italia tăng từ 31,1% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên 32,3% trong 9 tháng đầu năm 2024.



Nông sản nhiệt đới hiện là nhóm hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam tại Italia. Đơn cử như cà phê, theo thống kê của Eurostat, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vào Italia trong 9 tháng năm 2024 đã tăng tới 26,8% so với cùng kỳ năm 2023 lên 356,92 triệu EUR. Kết quả này giúp cho thị phần cà phê của Việt Nam tại Italia mở rộng từ 16,09% lên 17,2%. Tuy nhiên, cà phê của Việt Nam tại Italia chịu sự

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng nông sản khác như hàng rau quả (HS 08), hàng thủy sản (HS 03) của Việt Nam sang Italia chưa cao bởi nước này có xu hướng nhập khẩu chủ yếu từ các thị trường nội khối EU như Hà Lan, Đức, Pháp... Nhập khẩu các mặt hàng này của Italia từ ngoại khối chủ yếu từ Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Nam Phi... Thị phần các mặt hàng này của Việt Nam tại Italia chiếm chưa đến 1%.

Đối với các mặt hàng tiêu dùng như hàng dệt may (HS 61, 62), giày dép (HS 64), nhu cầu giảm khiến nhập khẩu của Italia giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm 2024 với mức giảm lần lượt là 8,3% và 19,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Tăng trưởng kinh tế của Italia đang chậm lại so với dự kiến sau khi bất ngờ đình trệ trong quý III/2024. Cơ quan thống kê quốc gia Italia (ISTAT) dự kiến nước này sẽ không có sự phục hồi nào trong ngắn hạn và dự báo mức tăng trưởng năm 2024 chỉ 0,5%, bằng một nửa mục tiêu 1% của chính phủ nước này. Các chỉ số kinh tế của Italia gần đây không khả quan với niềm tin kinh doanh ở mức thấp nhất kể từ năm 2021, hoạt động sản xuất và dịch vụ chưa có dấu hiệu cải thiện.

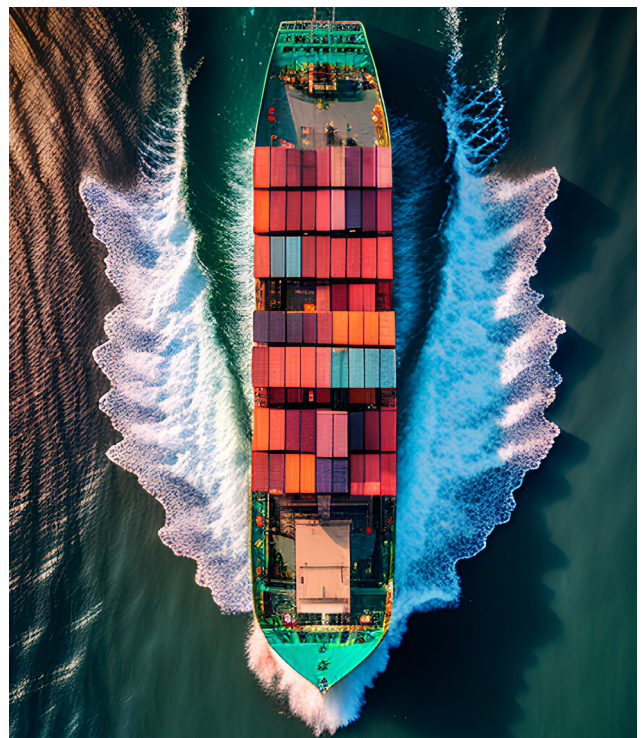
Tuy nhiên, triển vọng kinh tế Italia năm 2025 có thể sẽ khả quan hơn. Nếu như nhu cầu trong nước năm 2024 giảm 0,2 điểm phần trăm thì vào năm 2025, động lực tăng trưởng Italia được dự báo sẽ chủ yếu từ nhu cầu trong nước với mức tăng 0,8 điểm phần trăm. Tiêu dùng cá nhân của hộ gia đình năm 2025 sẽ cải thiện nhờ thị trường lao động và tiền lương thực tế tăng. Tăng trưởng kinh tế Italia được dự báo đạt 1,1% vào năm 2025, sau mức tăng 0,6% của năm 2024.

Nhìn chung, vẫn còn nhiều cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa vào Italia trong thời gian tới. Đối với các mặt hàng có thể mạnh như hàng dệt may (HS 61, 62) kỳ vọng thị phần của Việt Nam sẽ tăng nhanh hơn. Tại thị trường Italia, Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ đang là các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam đối với mặt hàng dệt may với thị phần lần lượt là 13,4%; 8,5%, 2,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Italia, trong khi Việt Nam chiếm 1,47%.

Đối với mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện, thị trường ngoại khối EU là nguồn cung chủ yếu đối với Italia với tỷ trọng chiếm 62,7% tổng kim ngạch nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng so với

mức 56% của cùng kỳ năm 2023. Trong các thị trường ngoại khối EU, Việt Nam là thị trường cung cấp điện thoại các loại và linh kiện lớn thứ 3 cho Italia, sau Trung Quốc và Ấn Độ, với thị phần chiếm 7,7% trong 9 tháng năm 2024, tăng so với mức 6,7% của cùng kỳ năm 2023. Tại Italia, xu hướng tiêu dùng chủ yếu là điện thoại di động của Apple và Samsung với thị phần hai hãng này tương đương khoảng 30% trong tháng 11/2024. Trong đó, cùng với điện thoại di động Apple được sản xuất chủ yếu từ Trung Quốc, các thương hiệu điện thoại di động khác của nước này như Xiaomi, Oppo, Realme cũng đang tăng đáng kể thị phần tại Italia, theo đó Trung Quốc vẫn là đối thủ lớn nhất tại thị trường điện thoại ở Italia.

Đối với mặt hàng giày dép (HS 64), Italia nhập khẩu từ thị trường nội khối EU chiếm 58% thị phần trong 9 tháng năm 2024, giảm so với mức 60,8% của cùng kỳ năm 2023, trong khi nhập khẩu từ thị trường ngoại khối EU tăng thị phần từ 39,1% lên 41,9%. Trong các thị trường ngoại khối, Việt Nam là nguồn cung giày dép lớn thứ 3 cho Italia, chiếm thị phần 4,7% trong tổng nhập khẩu của thị trường này, trong khi thị phần của Trung Quốc là 13,8%.



Xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Italia 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
			11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2023
Tổng	4.553.098	10,7	100,00	100,00
Sắt thép các loại	771.457	-23,6	16,94	24,55
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	552.884	160,9	12,14	5,15
Điện thoại các loại và linh kiện	478.109	-14,7	10,50	13,62
Máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	430.338	26,6	9,45	8,26
Giày dép các loại	410.147	23,1	9,01	8,10
Cà phê	402.658	43,3	8,84	6,83
Phương tiện vận tải và phụ tùng	328.612	-1,3	7,22	8,10
Hàng dệt, may	310.648	13,3	6,82	6,67
Chất dẻo nguyên liệu	92.850	27,0	2,04	1,78
Hàng thủy sản	84.911	-2,3	1,86	2,11
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	82.827	1,1	1,82	1,99
Sản phẩm từ sắt thép	44.535	13,1	0,98	0,96
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	38.972	15,8	0,86	0,82
Hạt điều	34.588	3,4	0,76	0,81
Sản phẩm từ chất dẻo	24.428	36,8	0,54	0,43
Hóa chất	23.296	68,5	0,51	0,34
Cao su	21.446	105,9	0,47	0,25
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	20.735	20,6	0,46	0,42
Sản phẩm từ cao su	20.143	59,6	0,44	0,31
Xơ, sợi dệt các loại	19.401	-33,2	0,43	0,71
Gỗ và sản phẩm gỗ	17.563	1,8	0,39	0,42
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	15.064	22,1	0,33	0,30
Hàng rau quả	12.960	43,1	0,28	0,22
Sản phẩm gốm, sứ	9.392	5,1	0,21	0,22
Hạt tiêu	8.136	90,4	0,18	0,10
Hàng hóa khác	296.997	10,6	6,52	6,53

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu:

Tính chung trong 11 tháng năm 2024, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng là mặt hàng được nhập khẩu lớn nhất từ Italia vào Việt Nam, đạt 423,56 triệu USD, tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2023. Nhập khẩu nhiều mặt hàng khác cũng tăng đáng kể như

dược phẩm tăng 55,6%, nguyên phụ liệu dệt may, da giày tăng 23,8%, vải các loại tăng 20,2%, gỗ và sản phẩm gỗ tăng 8,2%. Ngược lại nhập khẩu một số mặt hàng giảm như sản phẩm từ sắt thép, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...

Nhập khẩu một số hàng hóa của Việt Nam 11 tháng năm 2024

Mặt hàng	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)	Tỷ trọng (%)	
			11 tháng năm 2024	11 tháng năm 2023
Tổng	1.797.846	21,3	100,00	100,00
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	423.563	1,1	23,56	28,27
Dược phẩm	279.479	55,6	15,55	12,12
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	208.261	23,8	11,58	11,35
Vải các loại	130.995	20,2	7,29	7,35
Sản phẩm hóa chất	81.408	38,6	4,53	3,96
Gỗ và sản phẩm gỗ	41.448	87,2	2,31	1,49
Sản phẩm từ sắt thép	30.988	-2,6	1,72	2,15
Sản phẩm từ chất dẻo	29.422	21,2	1,64	1,64
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	29.003	22,9	1,61	1,59
Hóa chất	21.764	-14,8	1,21	1,72
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	16.026	-7,1	0,89	1,16
Sản phẩm từ cao su	13.332	16,1	0,74	0,78
Chất dẻo nguyên liệu	12.616	-2,6	0,70	0,87
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	9.589	-0,8	0,53	0,65
Giấy các loại	8.885	74,7	0,49	0,34
Nguyên phụ liệu dược phẩm	8.548	27,9	0,48	0,45
Linh kiện, phụ tùng ô tô	6.690	-7,2	0,37	0,49
Kim loại thường khác	6.215	73,2	0,35	0,24
Hàng điện gia dụng và linh kiện	4.579	-8,5	0,25	0,34
Sắt thép các loại	1.289	-5,2	0,07	0,09
Nguyên phụ liệu thuốc lá	401	9,3	0,02	0,02
Hàng hóa khác	433.345	27,7	24,10	22,90

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

XUẤT KHẨU HÀNG CÔNG NGHỆ SANG EU TĂNG MẠNH NHẤT TRONG NHÓM HÀNG CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

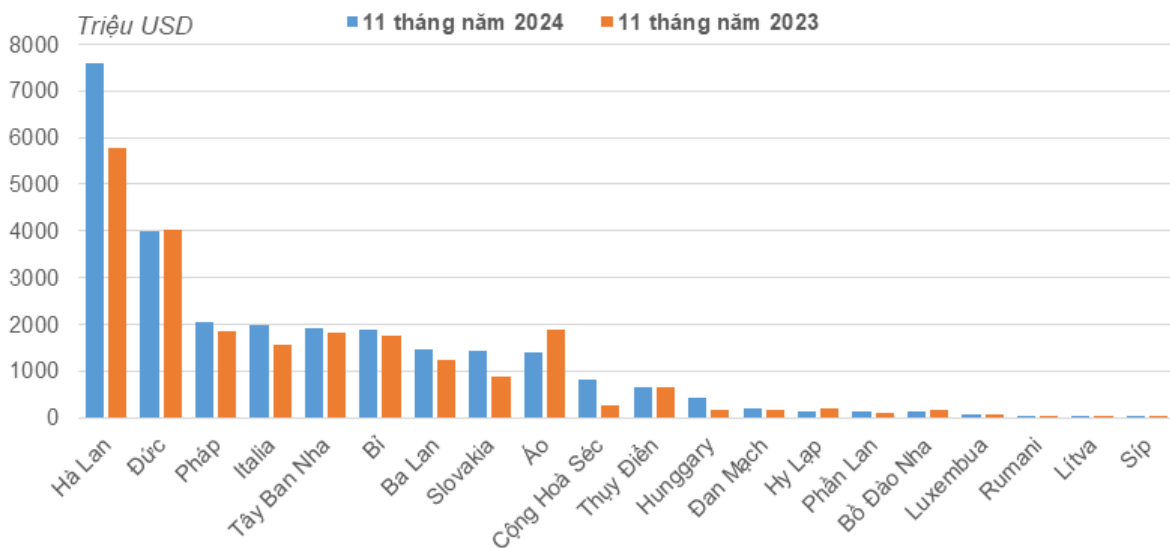
EU là một trong những thị trường xuất khẩu lớn và tiềm năng của Việt Nam với nhiều ngành hàng xuất khẩu chủ lực. Các quốc gia trong khu vực EU đang ngày càng có nhu cầu cao về các mặt hàng như điện tử tiêu dùng, đồ gia dụng, giày dép, quần áo, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm... Theo ước tính, quý IV/2024, xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng của Việt Nam sang thị trường EU đạt 7,883 tỷ USD, tăng 4,5% so với quý III/2024 và tăng 26,8% so với quý IV/2023. Xuất khẩu nhóm hàng này năm 2024 sang EU ước đạt khoảng 28,870 tỷ USD, tăng 20,3% so với năm 2023, chiếm tỷ trọng 57,7% trong

tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng của Việt Nam sang thị trường EU đạt 26,253 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Trong khối EU, Hà Lan là thị trường xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng lớn nhất của Việt Nam, đạt 7,58 tỷ USD trong 11 tháng năm 2024, tăng 31,5% so với cùng kỳ năm 2023. Tiếp theo là thị trường Pháp, Italia, Tây Ban Nha, Bỉ, Ba Lan, Slovakia...

Thị trường xuất khẩu hàng công nghiệp tiêu dùng trong EU 11 tháng năm 2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 11 tháng năm 2024 ghi nhận nhiều mặt hàng tiêu dùng của Việt Nam xuất khẩu sang EU tăng mạnh như Máy vi tính và thiết bị điện tử; Giày dép các loại; Hàng dệt, may;

Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù; Sản phẩm từ chất dẻo; Máy ảnh, máy quay phim; Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc; Sản phẩm từ cao su; Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ...

Đáng chú ý là nhóm hàng tiêu dùng công nghệ gồm Máy vi tính và thiết bị điện tử; Điện thoại các loại và Máy ảnh, máy quay phim xuất khẩu sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2024 đạt 14,18 tỷ USD, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung năm 2024, xuất khẩu nhóm hàng công nghệ sang thị trường EU ước đạt khoảng 15,56 tỷ USD, tăng 25,3% so với năm 2023. Xuất khẩu hàng công nghệ tăng mạnh bởi các mặt hàng máy tính thiết bị điện tử và đặc biệt là mặt hàng máy ảnh, máy quay

phim trong 11 tháng năm 2024 đạt 395,18 triệu USD, tăng 62,7% so với cùng kỳ năm 2024, dự kiến năm 2024 kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 427,59 triệu USD, tăng mạnh 118,4% so với cùng kỳ năm 2024.

Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu những mặt hàng công nghiệp tiêu dùng khác ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng phải kể đến như Sản phẩm từ chất dẻo tăng 25,7% so với cùng kỳ năm 2023; Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc tăng 38,6% so với cùng kỳ năm 2023, ...

Mặt hàng công nghiệp tiêu dùng xuất khẩu sang EU trong 11 tháng và dự kiến năm 2024

Mặt hàng	11 tháng năm 2024 (nghìn USD)	So với 11T/2023 (%)	Ước năm 2024 (nghìn USD)	So với năm 2023(%)	Tỷ trọng(%)	
					Năm 2024	Năm 2023
Tổng	26.252.903	16,3	28.870.449	20,3	100,0	100,0
Máy vi tính và thiết bị điện tử	7.805.444	55,5	8.699.828	57,4	30,1	22,2
Điện thoại các loại	5.981.352	-10,7	6.435.347	-3,9	22,3	29,7
Giày dép các loại	5.177.807	17,9	5.759.533	19,4	19,9	19,4
Hàng dệt, may	3.855.168	11,5	4.244.224	12,7	14,7	15,3
Túi xách, ví, vali, mũ, ô, dù	865.551	13,1	953.921	13,9	3,3	3,4
Sản phẩm từ chất dẻo	605.054	25,7	660.366	24,5	2,3	2,1
Sản phẩm từ sắt thép	602.892	9,8	639.077	10,2	2,2	2,4
Đồ chơi, dụng cụ thể thao và bộ phận	399.058	-24,4	425.147	-22,8	1,5	2,3
Máy ảnh, máy quay phim	395.176	62,7	427.585	118,4	1,5	1,1
Sản phẩm mây, tre, cói và thảm	170.106	8,4	188.721	7,1	0,7	0,7
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	170.072	38,6	186.975	36,0	0,6	0,5
Sản phẩm từ cao su	107.248	38,5	116.147	33,8	0,4	0,3
Sản phẩm gốm, sứ	63.877	15,3	72.737	17,7	0,3	0,2
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	27.686	48,7	31.689	38,0	0,1	0,1
Sản phẩm hóa chất	23.736	70,3	26.133	67,8	0,1	0,1
Giấy và các sản phẩm từ giấy	2.676	-17,2	3.018	-13,3	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Máy tính và thiết bị điện tử: Trong nhóm hàng máy tính, điện tử, Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là mặt hàng máy tính cá nhân gồm máy tính xách tay, máy tính bảng và một số thiết bị điện tử tiêu dùng khác như màn hình, tivi máy in, photocopy, camera, máy scan,... Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu máy tính thiết bị điện tử đạt 7,81 tỷ USD, tăng 55,5% so với cùng kỳ năm 2023, dự kiến năm 2024, xuất khẩu mặt hàng này đạt 8,7 tỷ USD, tăng 57,4% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 30,1% tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghiệp tiêu dùng sang thị trường EU, tăng 7,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023.

Xuất khẩu mặt hàng máy tính, thiết bị điện tử chủ yếu là xuất khẩu máy tính các loại (HS 8471) gồm máy tính bảng, máy tính xách tay... Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), EU nhập khẩu mặt hàng máy tính các loại (HS 8471) trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 96,97 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ năm 2023. EU nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 2,73 tỷ USD, tăng mạnh 179,0% so với cùng kỳ năm 2023, cao hơn nhiều so với các thị trường khác như Thái Lan tăng 103,3%, Philippin tăng 56,6%. Trong khi những thị trường cung cấp lớn như Trung Quốc giảm 0,3%; Đài Loan giảm 7,9%; Ai Len giảm 12,8%. Thị phần mặt hàng này của Việt Nam tại EU chiếm 2,8% tổng nhập khẩu của EU và đứng thứ 10 trong số 217 thị trường nhập khẩu của EU.

Trong nhóm hàng công nghệ, xuất khẩu mặt hàng điện thoại các loại trong 11 tháng năm 2024 đạt 5,98 tỷ USD, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2023. Dự kiến năm 2024, xuất khẩu mặt hàng này có thể đạt 6,44 tỷ USD, giảm 3,9% so với năm 2023. Xuất khẩu điện thoại các loại của Việt Nam sang thị trường EU chủ yếu là dòng điện thoại thông minh chiếm tỷ trọng lớn (HS 851713).

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), EU nhập khẩu điện thoại các loại chủ yếu là điện thoại thông minh (HS 851713) từ Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 4,75 tỷ USD, giảm 11,2% so với cùng kỳ năm 2023, chiếm tỷ trọng 8,3%, giảm 1 điểm phần trăm

so với cùng kỳ năm 2023. Mặt hàng này của Việt Nam tại EU cạnh tranh với các nguồn hàng từ Trung Quốc, Ấn Độ và hai thị trường nội khối là Hà Lan, Cộng hòa Séc.

Theo báo cáo Horizon, dự kiến doanh thu điện tử tiêu dùng tại EU đạt khoảng 210,08 tỷ USD trong năm 2024, tăng lên 218,40 tỷ USD trong năm 2025. Với quy mô dự kiến về doanh thu của điện tử tiêu dùng của EU trong năm 2030 đạt khoảng 247,25 tỷ USD, tăng trưởng bình quân hàng năm là 3,3% trong giai đoạn từ năm 2024 – 2030. Trung bình, các nhà bán lẻ hàng điện tử tiêu dùng tạo ra gần một nửa doanh thu của họ từ danh mục sản phẩm 3C (Máy tính, Truyền thông và Điện tử tiêu dùng), phần còn lại đến từ hàng gia dụng và đồ gia dụng. Nhu cầu về hàng điện tử tiêu dùng ở châu Âu phần lớn được đáp ứng từ nguồn hàng nhập khẩu từ châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, do năng lực sản xuất và chuỗi cung ứng hiệu quả. Với quy mô điện tử tiêu dùng lớn tại EU, hàng xuất khẩu máy tính và điện tử của Việt Nam đang còn rất nhiều tiềm năng.

Hàng may mặc: Xuất khẩu hàng may mặc (HS 61) sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2024, đạt 3,86 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm 2024. Dự kiến kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong năm 2024 đạt khoảng 4,24 tỷ USD, tăng 12,7% so với năm 2024.

Theo báo cáo từ Statista, dự kiến doanh thu thị trường may mặc của EU ước đạt 486,90 tỷ USD, với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 2,1% giai đoạn từ năm 2024 – 2029, phân khúc lớn nhất là quần áo phụ nữ với giá trị đạt khoảng 264,30 tỷ USD trong năm 2024. Với nhu cầu rất lớn, hàng may mặc là một trong những ngành hàng được hưởng lợi nhiều nhất của Hiệp định EVFTA.

Theo Eurostat, EU nhập khẩu hàng dệt may trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt 71,55 tỷ USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó nhập khẩu hàng dệt may từ Việt Nam đạt 1,289 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần mặt hàng này của Việt Nam tại EU chiếm 1,8% trong tổng nhập khẩu của EU từ 220 thị trường khác

trên thế giới. Dư địa tăng trưởng và mở rộng xuất khẩu dệt may vào thị trường này hiện còn rất lớn. Việt Nam đã vươn lên vị trí top 10 nhà cung cấp hàng may mặc tiêu dùng lớn nhất vào EU trong 9 tháng đầu năm 2024, cạnh tranh với các nhà cung ứng lớn khác như Trung Quốc, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Pakistan và một số nhà cung ứng nội khối EU như Đức, Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha, Italia...

EU là thị trường đứng đầu thế giới về nhập khẩu hàng dệt may và là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của dệt may Việt Nam với lợi thế lớn từ EVFTA. Tuy nhiên, ngành dệt may đang phải đối mặt với hàng loạt những quy định khắt khe, đặc biệt về phát triển bền vững, tuần hoàn, nguồn gốc xuất xứ.

Triển vọng xuất khẩu năm 2025:

Trong năm 2024, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường EU tăng trưởng tích cực, vượt xa kỳ vọng và được coi là năm thắng lợi của hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, trong đó có nhóm hàng công nghiệp tiêu dùng. Trong bối cảnh nhu cầu thị trường cải thiện, dự báo năm 2025 xuất khẩu nhóm hàng này sang EU tiếp tục tăng trưởng, đạt khoảng 32 tỷ USD, tăng 13,9% so với năm 2024. Trong đó, xuất khẩu nhóm hàng công nghệ tiếp tục dẫn đầu, xuất khẩu

Giày dép các loại: Xuất khẩu giày dép các loại (HS 64) sang thị trường EU trong 11 tháng năm 2024, đạt 5,18 tỷ USD, tăng 17,9% so với cùng kỳ năm 2023. Năm 2024, xuất khẩu mặt hàng này ước đạt khoảng 5,76 tỷ USD, tăng 19,4% so với năm 2023. Dự báo năm 2025, xuất khẩu nhóm hàng này sang thị trường EU đạt khoảng hơn 6 tỷ USD, tăng 5,2% so với năm 2024.

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong 9 tháng đầu năm 2024, EU nhập khẩu giày dép các loại đạt 51,25 tỷ USD, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần giày dép của Việt Nam tại EU đứng vị trí thứ 4 sau các nhà cung ứng khác như Đức, Trung Quốc, Italia, Hà Lan và chiếm 9,0% tỷ trọng nhập khẩu của EU, tăng 0,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023.

điện thoại sẽ tăng trở lại với mức khoảng 10% so với năm 2024.

Tuy nhiên, hiện nay EU đang đặt ra nhiều quy định mới về phát triển bền vững, sản phẩm sinh thái, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, truy xuất chuỗi cung ứng, các yêu cầu về giảm thiểu phát thải carbon... sẽ tác động trực tiếp đến xuất khẩu nhiều mặt hàng công nghiệp, trước tiên là dệt may, da giày.

EU nhập khẩu nhóm hàng tiêu dùng từ các thị trường và thị phần của Việt Nam tại EU trong 9 tháng đầu năm 2024

Chủng loại		EU nhập khẩu từ các thị trường 9T đầu năm 2024 (triệu USD)				So với cùng kỳ năm 2023(%)			Thị phần Việt Nam tại EU (%)
HS	Mặt hàng	Tổng	Nội khối	Ngoại khối	Việt Nam	Nội khối	Ngoại khối	Việt Nam	
61	May mặc	71.549	38.275	33.274	1.289	1,1	-1,7	6,7	1,8
64	Giày dép	51.249	33.741	17.508	4.708	-0,7	-3,1	9,0	9,2
8471	Máy tính các loại	96.972	48.901	48.071	2.725	10,6	9,0	179,0	2,8
851713	Điện thoại thông minh	57.094	27.958	29.136	4.750	1,4	-1,3	-11,2	8,3

Nguồn: Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat)

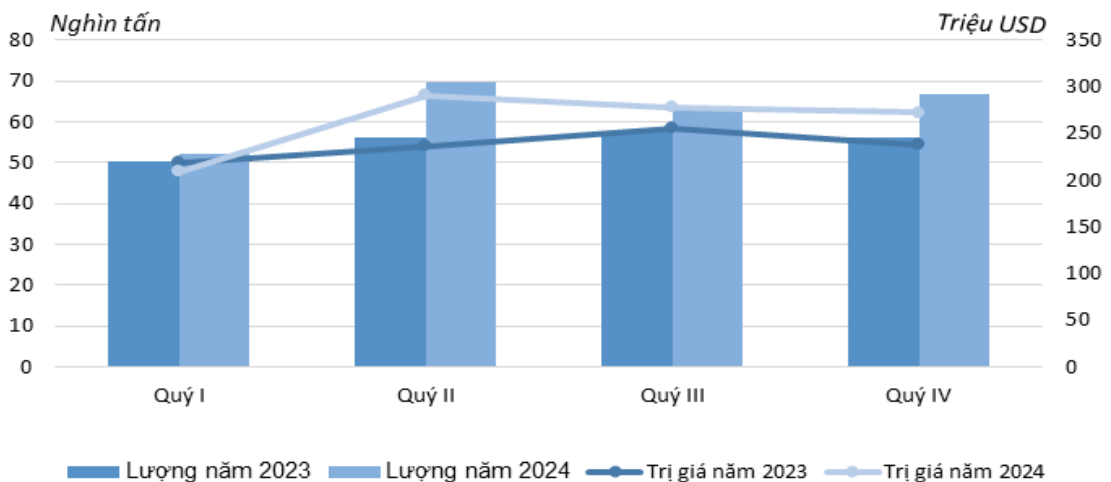
Năm 2024 xuất khẩu thủy sản tới EU vượt 1 tỷ USD, DỰ BÁO TIẾP TỤC TĂNG TRONG NĂM 2025

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU 11 tháng năm 2024 đạt 229,3 nghìn tấn với trị giá 957,12 triệu USD, tăng 14,7% về lượng và tăng 10,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023, chiếm 10,51% về lượng và chiếm 10,44% về trị giá trong tổng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. EU là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 4 của Việt Nam sau Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU quý IV/2024 ước đạt 66,7 nghìn tấn với trị giá 272,5 triệu USD, tăng 18,8% về lượng

và tăng 14,3% về trị giá, chiếm 9,76% về lượng và chiếm 9,56% về trị giá xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU trong quý IV/2024 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2024 đã đưa kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2024 vượt 1 tỷ USD, trở thành một trong bốn thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất. Dự kiến xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU năm 2024 đạt 252,3 nghìn tấn với trị giá 1,052 tỷ USD, tăng 14,6% về lượng và tăng 10,5% về trị giá so với năm 2023, chiếm 10,5% về lượng và chiếm 10,4% về trị giá xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU qua các quý năm 2023 – 2024



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và ước tính quý IV/2024

Xuất khẩu thủy sản chủ lực sang EU đều tăng cao

Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới EU 11 tháng năm 2024 đã cơ bản phản ánh kết quả xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU năm 2024. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu 4 nhóm hàng thủy sản chủ lực của Việt Nam tới EU là tôm, cá ngừ, cá tra, basa và nghêu trong 11 tháng năm 2024 đều có kết quả tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu mực giảm mạnh

trong khi xuất khẩu bạch tuộc tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2023. Xuất khẩu tôm tới EU chiếm 26,63% về lượng và chiếm 46,30% về trị giá; xuất khẩu cá ngừ chiếm 16,53% về lượng và chiếm 18,30% về trị giá; xuất khẩu cá tra, basa chiếm 28,39% về lượng và chiếm 16,81% về trị giá; xuất khẩu nghêu chiếm 15,23% về lượng và chiếm 6,03% về trị giá xuất khẩu thủy sản tới EU 11 tháng năm 2024.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam tới EU 11 tháng năm 2024

	11 tháng năm 2024		So với 11 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 11 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
XK Thủy sản	2.180.641	9.167.944	13,37	11,45		
EU	229.289	957.121	14,67	10,39	100	100
Tôm các loại	61.053	443.160	25,59	15,52	26,63	46,30
Cá ngừ các loại	37.901	175.118	15,17	11,89	16,53	18,30
Cá tra, basa	65.097	160.860	10,74	5,89	28,39	16,81
Nghêu các loại	34.921	57.724	6,21	8,71	15,23	6,03
Cá đông lạnh	8.603	35.616	-6,82	-12,67	3,75	3,72
Mực các loại	3.785	21.075	-30,83	-29,07	1,65	2,20
Chả cá	6.962	16.177	46,75	57,41	3,04	1,69
Cá khô	1.966	12.512	45,19	48,39	0,86	1,31
Bạch tuộc các loại	1.758	9.614	8,13	4,85	0,77	1,00
Sò các loại	563	5.433	-16,22	-31,44	0,25	0,57
Mắm	2.016	4.759	2,01	61,36	0,88	0,50
Hàu	2.330	3.387			1,02	0,35
Ghẹ các loại	1.108	2.727	79,60	-26,46	0,48	0,28
Cua các loại	266	1.781	434,35	439,82	0,12	0,19
Thủy sản làm cảnh	23	1.217	2.491,72	33,73	0,01	0,13
Mặt hàng khác	938	5.959	-9,48	-22,58	0,41	0,62

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản tới EU năm 2024

Trong 11 tháng năm 2024, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới hầu hết các thị trường lớn ở EU đều đạt kết quả tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2023. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, 11 tháng năm 2024 thủy sản của Việt Nam được xuất khẩu tới 26/27 thị trường, trong đó Đức là

thị trường lớn nhất chiếm 15,72% về lượng và chiếm 19,14% về trị giá; Hà Lan chiếm 16,31% về lượng và chiếm 19% về trị giá; Bỉ chiếm 10,11% về lượng và chiếm 13,57% về trị giá; Italia chiếm 10,92% về lượng và chiếm 8,87% về trị giá; Tây Ban Nha chiếm 12,97% về lượng và chiếm 7,13% về trị giá...

Xuất khẩu của Việt Nam tới các thị trường trong khối EU 11 tháng năm 2024

Thị trường	11 tháng năm 2024		So với 11 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 11 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
XK Thủy sản	2.180.641	9.167.944	13,37	11,45		
EU	229.289	957.121	14,67	10,39	100	100
Hà Lan	37.408	181.896	11,45	15,06	16,31	19,00

Thị trường	11 tháng năm 2024		So với 11 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 11 tháng năm 2024	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Đức	36.042	183.165	15,65	7,72	15,72	19,14
Bỉ	23.175	129.880	29,03	15,55	10,11	13,57
Italia	25.031	84.911	11,45	-2,32	10,92	8,87
Tây Ban Nha	29.731	68.224	30,99	27,05	12,97	7,13
Phá	9.559	49.026	-3,98	-12,26	4,17	5,12
Đan Mạch	7.339	46.627	33,43	26,44	3,20	4,87
Ba Lan	9.440	36.366	4,67	-9,45	4,12	3,80
Litva	12.347	40.524	51,37	31,38	5,38	4,23
Bồ Đào Nha	15.733	39.281	15,02	30,68	6,86	4,10
Rumani	6.622	30.142	30,83	38,65	2,89	3,15
Thụy Điển	3.097	20.570	5,44	20,94	1,35	2,15
Ai Len	1.231	7.810	38,95	34,86	0,54	0,82
Hy Lạp	2.989	7.699	7,50	17,05	1,30	0,80
Síp	1.616	5.993	13,74	13,56	0,70	0,63
Bungari	978	4.229	116,78	123,98	0,43	0,44
Slôvenia	1.729	3.849	26,86	9,62	0,75	0,40
Phần Lan	1.221	4.059	-77,57	-71,70	0,53	0,42
Látvia	619	3.323	-38,24	-17,23	0,27	0,35
Hungary	1.184	3.235	22,16	20,77	0,52	0,34
Croatia	1.297	3.024	-36,77	-31,68	0,57	0,32
Cộng Hoà Séc	421	1.782	-40,50	-17,10	0,18	0,19
Manta	251	746	-23,63	-29,15	0,11	0,08
Estonia	164	603	-3,65	-26,05	0,07	0,06
Áo	23	68	-77,91	-86,20	0,01	0,01
Slovakia	43	89	-66,65	-70,78	0,02	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

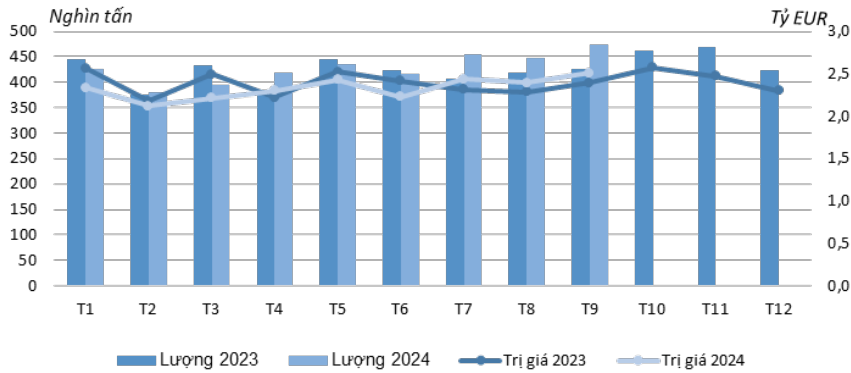
Nhập khẩu thủy sản của EU và thị phần của Việt Nam

Theo số liệu thống kê của Eurostat, 9 tháng đầu năm 2024, EU đã chi 20,97 tỷ EUR tương đương 21,81 tỷ USD để nhập khẩu 3,84 triệu tấn thủy sản từ ngoài khối, tăng 2,35% về lượng và giảm 1,96% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 10 cho EU, chiếm

3,72% về lượng và chiếm 2,92% về trị giá nhập khẩu thủy sản từ ngoài khối EU, đạt 143,21 nghìn tấn với trị giá 613 triệu EUR, tương đương 637 triệu USD, tăng 3,36% về lượng và giảm 3,38% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Nhập khẩu thủy sản của EU từ ngoài EU qua các tháng năm 2023 – 2024

ĐVT: Lượng: nghìn tấn; Trị giá: tỷ EUR. Tỷ giá 1 EUR = 1,0397 USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Eurostat

Một số thị trường cung cấp thủy sản cho EU 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tỷ trọng 9 tháng năm 2024 (%)		9 tháng năm 2024 (Tỷ giá 1 EUR = 1,0397 USD)			So với 9 tháng năm 2023 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn EUR)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Thế giới			7.414.597	42.127.975	43.802.141	4,07	-0,71
Nhập khẩu từ nội khối EU			3.568.712	21.155.777	21.996.508	6,00	0,56
Nhập khẩu từ ngoài EU	100	100	3.845.885	20.972.198	21.805.633	2,35	-1,96
Ecuador	7,34	6,57	282.190	1.377.673	1.432.422	20,64	11,35
Trung Quốc	6,53	4,78	251.026	1.002.124	1.041.949	-11,40	-20,08
Việt Nam	3,72	2,92	143.213	612.667	637.014	3,36	-3,38
Ấn Độ	3,13	2,94	120.547	616.359	640.853	5,77	-5,87
Indônêsi	1,11	1,15	42.814	240.556	250.116	17,70	0,15
Thái Lan	0,66	0,68	25.418	143.640	149.348	10,54	-0,74
Thị trường khác	77,50	80,96	2.980.677	16.979.178	17.653.930	1,78	-1,43

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Eurostat

Nhận định và dự báo

Năm 2025, mặt hàng tôm vẫn là mặt hàng thủy sản chủ lực của Việt Nam ở thị trường EU, tuy nhiên mức độ cạnh tranh sẽ tăng lên khi các đối thủ cũng đang tích cực cải thiện chất lượng cũng như tối ưu giá đối với sản phẩm để tăng tính cạnh tranh. Ngoài việc tận dụng những lợi thế từ EVFTA thì các doanh nghiệp cũng cần tạo ra những lợi thế riêng cho từng sản phẩm.

Nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu cá tra của thị trường EU đang có xu hướng tăng. Các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, basa tới thị

trường này cần tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông và cần đặc biệt lưu ý đảm bảo tốt các yêu cầu về chất lượng, tránh tình trạng bị từ chối các đơn hàng vì liên quan đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm.

Dự báo, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới EU năm 2025 vẫn duy trì ở mức trên 1 tỷ USD. Nếu được Ủy ban châu Âu (EC) gỡ bỏ "thẻ vàng" đối với thủy sản khai thác thì xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tới thị trường này có thể bứt phá mạnh mẽ trong thời gian tới.

Hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối tăng



Theo Eurostat, sau khi ghi nhận tăng trưởng vào quý đầu tiên của năm 2024, kinh tế EU tiếp tục phục hồi trong suốt quý thứ II và quý III nhưng với tốc độ chậm lại. Theo báo cáo công bố tháng 12/2024 của Eurostat, trong quý III/2024, GDP điều chỉnh theo mùa tại EU tăng 0,4% so với quý II/2024 và tăng 1,0% so với quý III/2023. Dự báo, tăng trưởng GDP năm 2024 tại EU ở mức 0,9% và tăng lên lần lượt là 1,5% và 1,8% vào năm 2025 và 2026.

Theo Dự báo Kinh tế mùa thu của Ủy ban châu Âu, các yếu tố để kinh tế EU tiếp tục tăng trưởng vào năm 2025 và 2026 bao gồm tài chính đang nới lỏng; thị trường lao động vẫn mạnh; quá trình giảm phát vững chắc và thu nhập khả dụng của hộ gia đình

tiếp tục tăng. Tuy nhiên, sự bất ổn trong và ngoài khu vực gia tăng có thể tạo ra lực cản đáng kể đối với tăng trưởng kinh tế EU trong năm 2024 và xu hướng này có khả năng sẽ tiếp tục kéo dài sang năm 2025.

Ủy ban châu Âu dự báo, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ của EU sẽ tiếp tục tăng và nhập khẩu cũng sẽ tăng do nhu cầu phục hồi. Năm 2025 và 2026, xuất khẩu và nhập khẩu của EU được dự báo sẽ tăng trưởng với tốc độ gần như nhau. Do đó, động lực thương mại được nhận định vẫn thuận lợi, nhưng thương mại ròng sẽ không còn hỗ trợ tăng trưởng của EU trong năm 2025. Sức mua dần phục hồi trong bối cảnh lãi suất giảm, thu nhập khả dụng tăng là yếu tố thúc đẩy tiêu dùng và nhập khẩu trong thời gian tới.

các chỉ số kinh tế EU được công bố trong quý IV/2024 như sau:

- Thị trường lao động EU đã duy trì tốt trong nửa đầu năm 2024 và dự kiến sẽ tiếp tục mạnh mẽ. Theo Eurostat, quý III/2024, số lượng người có việc làm ổn định so với quý II/2024, tăng 0,7% so với quý III/2023.
- Sản xuất công nghiệp được điều chỉnh theo mùa của EU tháng 10/2024 tăng 0,3% so với tháng 9/2024, nhưng giảm 0,8% so với tháng 10/2023.
- Tỷ lệ lạm phát hàng năm của khu vực EU là 2,5% vào tháng 11/2024, tăng so với mức 2,3% trong tháng 10/2024, nhưng giảm so với mức 3,1% trong tháng 11/2023.
- Theo tính toán sơ bộ của Markit, chỉ số PMI sản xuất khu vực đồng tiền chung châu Âu tháng 12/2024 là 45,2, ổn định so với tháng 11/2024, tiếp tục suy giảm trong 2 năm liền.
- Tại EU, tâm lý người tiêu dùng giảm 1 điểm, đạt -13,4 trong tháng 12/2024. Chỉ số niềm tin của người tiêu dùng tại Khu vực đồng Euro giảm 0,8 điểm xuống mức -14,5 vào tháng 12/2024, giảm xuống dưới mức trung bình dài hạn và thấp hơn dự báo -14. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 4/2024.
- Về thương mại: Theo ước tính của Eurostat, cán cân thương mại của EU cho thấy thặng dư thương mại hàng hóa với

phần còn lại của thế giới là 3,9 tỷ EUR trong tháng 10/2024 (cùng kỳ năm ngoái thặng dư là 8,4 tỷ EUR). Trong đó, xuất khẩu hàng hóa của EU sang các thị trường ngoại khối trong tháng 10/2024 đạt 227 tỷ EUR, tăng 0,9% so với tháng 10/2023; nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoại khối EU đạt 223,1 tỷ EUR, tăng 3,0% so với tháng 10/2023.

Tính chung 10 tháng năm 2024, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường ngoại khối EU đạt 2.149,6 tỷ EUR, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm ngoái; nhập khẩu đạt 2.029,9 tỷ EUR, giảm 4,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả là EU ghi nhận thặng dư thương mại với phần còn lại của thế giới 119,7 tỷ EUR (cùng kỳ năm 2023 thặng dư 1,1 tỷ EUR). Thương mại hàng hóa với thị trường nội khối EU là 3.376,9 tỷ EUR, giảm 2,4% so với cùng kỳ năm 2023.



Thương mại hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối tháng 10 và 10 tháng năm 2024

(ĐVT: Tỷ EUR)

Hoạt động	Tháng 10/2024	Tháng 10/2023	So sánh (%)	10 tháng 2024	10 tháng 2023	So sánh (%)
Xuất khẩu ngoài EU	227,0	224,9	0,9	2.149,6	2.129,7	0,9
Nhập khẩu ngoài EU	223,1	216,5	3,0	2.029,9	2.128,6	-4,6
Cán cân thương mại ngoài EU	3,9	8,4		119,7	1,1	
Thương mại nội khối EU	362,4	353,8	2,4	3.376,9	3.459,6	-2,4

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Các sản phẩm xuất, nhập khẩu chính của EU trong tháng 10 năm 2024

(ĐVT: Tỷ EUR)

Hàng hóa	Xuất khẩu ngoài EU		Nhập khẩu ngoài EU		Cán cân thương mại	
	Tháng 10/2024	So sánh (%)	Tháng 10/2024	So sánh (%)	Tháng 10/2024	Tháng 10/2023
Tổng	227,0	0,9	223,1	3,0	3,9	8,4
Hàng sơ cấp:	34,6	-6,9	62,4	-6,1	-27,8	-29,3
Thực phẩm và đồ uống	19,3	6,5	15,1	21,2	4,2	5,6
Nguyên liệu thô	6,0	1,6	8,9	13,1	-2,9	-2
Năng lượng	9,4	-29,0	38,5	-16,7	-29,1	-33
Hàng hóa sản xuất:	186,9	1,3	157,7	6,4	29,2	36,3
Hóa chất và sp liên quan	49,0	10,6	31,2	16,4	17,8	17,5
Máy móc và phương tiện	87,7	-4,7	72,1	-0,7	15,6	19,4
Hàng hóa sản xuất khác	50,3	4,3	54,5	11,5	-4,2	-0,7
Hàng hóa khác	5,5	68,1	3,0	64,60%	2,5	1,5

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Các đối tác thương mại chính của EU trong tháng 10 năm 2024

(ĐVT: Tỷ EUR)

Thị trường	Xuất khẩu ngoài EU		Nhập khẩu ngoài EU		Cán cân thương mại ngoài EU	
	Tháng 10/2024	So sánh (%)	Tháng 10/2024	So sánh (%)	Tháng 10/2024	Tháng 10/2023
Mỹ	47,9	4,7	27,6	-4,5	20,3	16,8
Trung Quốc	17,2	-7,4	50,3	7,2	-33,1	-28,3
Vương quốc Anh	31,6	5,4	14,6	0,9	17	15,5
Thụy Sĩ	17,1	3,1	14,9	30,1	2,2	5,1
Thổ Nhĩ Kỳ	9,9	-1,4	9,3	9,2	0,6	1,5
Na Uy	5,7	8,0	8,3	-12,8	-2,6	-4,3
Hàn Quốc	4,7	-1,9	6	-12,6	-1,3	-2,1
Ấn Độ	4,2	2,2	7,2	32,8	-3	-1,4
Brazil	3,6	1,4	4,4	1,0	-0,7	-0,7
Nhật Bản	6	4,40%	5,3	-17,70%	0,7	-0,7

Nguồn: Ước tính từ Eurostat

Xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong 9 tháng năm 2024

Theo số liệu thống kê từ Eurostat, 9 tháng đầu năm 2024, trao đổi thương mại hàng hóa giữa EU và thị trường ngoại khối có dấu hiệu tích cực khi xuất khẩu tăng, nhập khẩu giảm song tốc độ đã chậm lại. Cụ thể, xuất khẩu hàng hóa của EU sang thị trường ngoại khối trong 9 tháng đầu năm 2024 tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2023, đạt 1.922,53 tỷ EUR (tương đương 1.992,7 tỷ USD); nhập khẩu từ thị trường ngoại khối giảm 5,5%, đạt 1.806,79 tỷ EUR (tương đương 1.872,73 tỷ USD). EU giảm nhập khẩu hàng hóa từ nhiều thị trường ngoại khối như : Mỹ, Anh, Trung Quốc, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Na Uy ...

Hoạt động thương mại giữa EU với Việt Nam tiếp tục được cải thiện, cụ thể, tổng

kim ngạch trao đổi hàng hóa 2 chiều EU - Việt Nam trong tháng 9/2024 đạt 5,87 tỷ EUR (tương đương gần 6,1 tỷ USD), tăng 7,2 so với tháng 8/2024 và tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch 2 chiều đạt 48,5 tỷ EUR (tương đương 52,27 tỷ USD), tăng 10,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, EU xuất khẩu hàng hóa sang Việt Nam đạt 8,55 tỷ EUR (tương đương gần 8,87 tỷ USD), tăng 1,3%; nhập khẩu từ Việt Nam tăng 12,8%, đạt 39,94 tỷ EUR (tương đương 41,4 tỷ USD). Đáng chú ý, EU tăng cường nhập khẩu nhiều mặt hàng có thế mạnh của Việt Nam như giày dép, dệt may, gỗ và sản phẩm gỗ, một số mặt hàng nông sản.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của EU với thị trường ngoại khối trong 9 tháng đầu năm 2024 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	Xuất khẩu		So với 9 tháng 2023 (%)	Nhập khẩu		So với 9 tháng 2023 (%)	Thị phần/Tổng KNNK từ ngoại khối EU (%)		Cán cân thương mại (%)	
	Tỷ EUR	Tỷ USD		Tỷ EUR	Tỷ USD		9 tháng 2024	9 tháng 2023	Tỷ EUR	Tỷ USD
Tổng	4.937,00	5.117,20	-1,5	4.724,71	4.897,16	-4,0			212,29	220,04
EU nội khối	3.014,47	3.124,50	-2,9	2.917,92	3.024,43	-3,1			96,55	100,07
EU ngoại khối	1.922,53	1.992,70	0,9	1.806,79	1.872,73	-5,5	100,00	100,00	115,74	119,97
Mỹ	395,66	410,10	6,2	251,19	260,36	-3,0	13,90	13,54	144,47	149,74
Anh	255,54	264,87	1,7	123,43	127,94	-11,4	6,83	7,29	132,11	136,93
Trung Quốc	162,52	168,45	-3,0	380,15	394,03	-3,2	21,04	20,53	-217,64	-225,58
Thụy Sĩ	144,97	150,26	2,3	98,31	101,90	-6,6	5,44	5,51	46,65	48,36
Thổ Nhĩ Kỳ	83,50	86,55	0,5	73,09	75,75	1,8	4,05	3,75	10,42	10,80
Nhật Bản	48,79	50,57	1,6	47,82	49,57	-12,1	2,65	2,85	0,97	1,00
Na Uy	47,15	48,87	4,0	73,15	75,82	-14,6	4,05	4,48	-26,01	-26,96
Mêhicô	40,85	42,34	2,4	21,59	22,38	-2,4	1,19	1,16	19,26	19,96
Hàn Quốc	40,21	41,68	-5,5	50,54	52,38	-10,4	2,80	2,95	-10,33	-10,70
Canada	36,06	37,37	-1,5	20,28	21,02	-2,7	1,12	1,09	15,77	16,35
Ấn Độ	35,92	37,23	-0,2	52,18	54,08	3,3	2,89	2,64	-16,26	-16,85
Braxin	32,71	33,90	0,4	33,92	35,16	2,0	1,88	1,74	-1,21	-1,25
UAE	32,06	33,23	14,7	8,22	8,52	-38,7	0,46	0,70	23,84	24,71

▶ THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

Thị trường	Xuất khẩu		So với 9 tháng 2023 (%)	Nhập khẩu		So với 9 tháng 2023 (%)	Thị phần/Tổng KNNK từ ngoại khối EU (%)		Cán cân thương mại (%)	
	Tỷ EUR	Tỷ USD		Tỷ EUR	Tỷ USD		9 tháng 2024	9 tháng 2023	Tỷ EUR	Tỷ USD
Ukraina	30,40	31,51	6,9	18,26	18,93	6,0	1,01	0,90	12,13	12,58
Australia	29,03	30,09	1,0	7,89	8,17	-29,0	0,44	0,58	21,14	21,91
Ả Rập Xê út	26,37	27,34	7,6	26,21	27,17	-10,9	1,45	1,54	0,16	0,17
Marôc	26,16	27,11	6,3	18,40	19,07	6,4	1,02	0,90	7,76	8,04
Nga	24,12	25,01	-17,5	26,53	27,50	-33,6	1,47	2,09	-2,40	-2,49
Singapore	22,85	23,68	-3,7	13,15	13,63	-14,5	0,73	0,80	9,70	10,05
Đài Loan	20,94	21,71	-9,3	32,70	33,90	-11,3	1,81	1,93	-11,76	-12,19
.....										
Việt Nam	8,55	8,87	1,3	39,94	41,40	12,8	2,21	1,85	-31,39	-32,54

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat. Tỷ giá 1 EUR = 1,0365 USD

EU nhập khẩu một số mặt hàng công nghiệp chế biến, nông, thủy sản và thị phần của Việt Nam

9 tháng đầu năm 2024, EU có xu hướng tăng nhập khẩu một số mặt hàng có thể mạnh của Việt Nam như: giày dép, dệt may, gỗ và sản phẩm gỗ, cà phê, rau quả, hạt điều, hạt tiêu, cao su. Ngược lại, giảm nhập khẩu các mặt hàng sắt thép và sản phẩm từ sắt thép, thủy sản, gạo, chè.

Theo Eurostat, 9 tháng đầu năm 2024, EU nhập khẩu giày dép (mã HS 64) từ Việt Nam đạt gần 4,53 tỷ EUR, tăng 9,0% so với 9 tháng đầu năm 2023. Thị phần giày dép của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 23,91% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên 26,89% trong 9 tháng đầu năm 2024.

EU cũng duy trì nhập khẩu hàng dệt may (mã HS 61, 62) từ Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2024 với mức tăng 0,04% so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hàng dệt may của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thị trường ngoại khối tăng từ 4,41% trong 9 tháng đầu năm 2023 lên 4,51% trong 9 tháng đầu năm 2024.



Đối với nhóm hàng nông nghiệp, EU tăng nhập khẩu mặt hàng cà phê (+25,5%); hạt điều (+3,9%); rau quả (+3,5%); hạt tiêu (+71,8%); cao su (+19,5%) với thị phần trong tổng nhập khẩu từ thị trường ngoại khối chiếm lần lượt 17,13%, 71,56%, 0,71%; 65,04% và 2,48%. Ngược lại, EU giảm nhập khẩu các mặt hàng thủy sản (-3,4%); gạo (-13,2%) và chè (-5,8%).

**EU nhập khẩu một số mặt hàng có thể mạnh từ Việt Nam
trong 9 tháng đầu năm 2024**

(ĐVT : Triệu EUR)

Mặt hàng	9 tháng 2024			So với cùng kỳ năm ngoái (%)			Thị phần/Tổng KNNK từ ngoại khối EU (%)	
	Nội khối EU	Ngoại khối EU	Việt Nam	Nội khối EU	Ngoại khối EU	Việt Nam	9 tháng 2024	9 tháng 2023
Giày dép	32.444	16.834	4.527	-0,7	-3,1	9,0	26,89	23,91
Dệt may	74.162	62.967	2.842	2,6	-2,3	0,04	4,51	4,41
Sắt thép và sản phẩm từ sắt thép	147.201	55.738	2.131	-7,9	-5,9	-2,7	3,82	3,70
Cà phê	6.524	9.366	1.604	2,3	15,2	25,5	17,13	15,73
Thủy sản	21.156	20.972	613	0,6	-2,0	-3,4	2,92	2,96
Hạt điều	314	732	524	-1,8	4,9	3,9	71,56	72,21
Gỗ và sp gỗ	37.690	10.748	367	-6,4	-2,5	25,1	3,41	2,66
Rau quả*	72.740	28.889	206	5,8	7,9	3,5	0,71	0,74
Hạt tiêu	159	252	164	9,2	54,1	71,8	65,04	58,35
Cao su	3.489	3.472	86	-3,2	8,9	19,5	2,48	2,26
Gạo	1.308	1.454	50	-5,5	1,6	-13,2	3,41	3,99
Chè	378	430	2	0,01	6,4	-5,8	0,36	0,41

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

() Ghi chú : Số liệu mặt hàng rau quả gồm HS 06, 07, 08 (không bao gồm hạt điều có mã HS 080131, 080132) và HS 20*



EU tăng cường kiểm tra nông sản Việt Nam từ ngày 08/01/2025

Ngày 18/12/2024, Ủy ban Châu Âu đã ban hành Quy định số 2024/3153, áp dụng các biện pháp kiểm tra bổ sung đối với một số mặt hàng nông sản, thực phẩm nhập khẩu từ các quốc gia ngoài EU, trong đó có Việt Nam. Quy định này nhằm tăng cường kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm, đặc biệt là đối với các sản phẩm có nguy cơ cao về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV).



Theo quy định mới, tần suất kiểm tra đối với mặt hàng sầu riêng từ Việt Nam sẽ được nâng từ 10% lên 20%, tiếp tục áp dụng theo Phụ Lục I. Lý do cho sự thay đổi này là do tỷ lệ cảnh báo về dư lượng thuốc BVTV trong các lô hàng sầu riêng xuất khẩu sang EU vẫn còn ở mức cao. Đây là một động thái mạnh mẽ từ EU nhằm kiểm soát chặt chẽ hơn chất lượng sản phẩm nhập khẩu, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng.

Ngoài sầu riêng, EU cũng đưa ra các biện pháp kiểm tra đối với các mặt hàng khác từ Việt Nam. Tần suất kiểm tra đối với thanh long sẽ là 30%, trong khi đối với đậu bắp và ớt, mức kiểm tra sẽ tăng lên 50%. Đặc biệt, các lô hàng này cần phải có giấy chứng nhận an toàn thực phẩm và kết quả phân tích kiểm nghiệm về dư lượng thuốc BVTV theo quy định tại Phụ lục II. Lý do cho các biện pháp này là do trong thời gian qua, số lượng lô hàng thanh long, ớt và đậu bắp xuất khẩu sang EU vi phạm quy định về dư lượng thuốc BVTV (MRL) chưa có dấu hiệu giảm.

Quy định này sẽ có hiệu lực từ ngày 8/1/2025 và yêu cầu các nhà xuất khẩu và cơ quan chức năng Việt Nam phải tăng cường các biện pháp kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo rằng các lô hàng thực phẩm xuất khẩu sang EU tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.

Việc tăng cường kiểm tra đối với các sản phẩm nông sản từ Việt Nam không chỉ nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng mà còn là cơ hội để nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu, từ đó giúp tăng cường uy tín của nông sản Việt trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp xuất khẩu cần chủ động cải thiện quy trình sản xuất, tuân thủ các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm để đáp ứng yêu cầu khắt khe từ thị trường EU.

Doanh nghiệp cần cập nhật về lộ trình áp dụng Quy định EUDR

EU đang đối mặt với thách thức khi triển khai Quy định mới về chống phá rừng (EUDR). Quy định này yêu cầu các công ty trong chuỗi cung ứng sản phẩm liên quan đến gỗ, gia súc, cacao, cà phê, dầu cọ, cao su và đậu nành phải chứng minh rằng sản phẩm của họ không góp phần vào tình trạng phá rừng toàn cầu. Theo đó, không chỉ có các nhà sản xuất và nhập khẩu chịu ảnh hưởng, mà mọi doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng các sản phẩm cũng phải tuân thủ quy định. Điều này gây lo ngại rằng quy định có thể tạo ra bộ máy hành chính phức tạp, đặc biệt khi vẫn thiếu các hướng dẫn chi tiết từ Ủy ban châu Âu, mặc dù dự kiến sẽ được áp dụng từ ngày 31/12/2024. Ngoài ra, cần thiết phải xem xét việc hoãn ngày thực thi của quy định để đảm bảo các biện pháp có thể được áp dụng một cách thực tế, giảm thiểu thủ tục không cần thiết và cho phép các nước thứ ba, các quốc gia thành viên EU, doanh nghiệp và thương nhân chuẩn bị đầy đủ các nghĩa vụ thẩm định.

Ngày 03/12/2024, Hội đồng châu Âu và Nghị viện châu Âu đã nhất trí thông qua đề xuất của Ủy ban về việc lùi thực hiện EUDR thêm 12 tháng; theo đó, thời hạn để các doanh nghiệp lớn & vừa tuân thủ EUDR là ngày 30/12/2025; các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là ngày 30/6/2026.

Ngày 06/12/2024, Ủy ban Châu Âu cũng giới thiệu và triển khai Hệ thống thông tin còn được gọi là Công đăng ký báo cáo thẩm định về phá rừng - Deforestation Due Diligence Statement Registry. Hệ thống hiện đã sẵn sàng tiếp nhận đăng ký và hoạt động chính thức vào tháng 12 năm 2024. Hệ thống sẽ cho phép các công ty tuân thủ EUDR bắt đầu đăng ký và nộp báo cáo thẩm định của mình tới các cơ quan có thẩm quyền và quản lý chúng trước khi luật có hiệu lực áp dụng vào tháng 12 năm 2025. Trang web đăng ký thẩm định của EU: https://green-business.ec.europa.eu/deforestation-regulation-implementation/deforestation-due-diligence-registry_en

Trước đó, ngày 13/11/2024, EC cũng công bố văn bản hướng dẫn thực hiện Quy định EUDR. Một số thông tin cần lưu ý như sau:

Về nguồn trồng

Hàng hóa phải được sản xuất hợp pháp (tuân thủ các luật hiện hành có liên quan tại quốc gia sản xuất và quyền của người dân bản địa được tôn trọng) và không liên quan đến phá rừng (được sản xuất trên vùng đất không phá rừng sau ngày 31/12/2020). Dữ liệu vị trí địa lý của khu vực sản xuất phải được thu thập. Dữ liệu này sau đó có thể được kiểm tra bởi các cơ quan có thẩm quyền ở các quốc gia thành viên EU. Họ sẽ tiến hành kiểm tra bằng các công cụ giám sát vệ tinh và phân tích DNA để xác minh nguồn gốc của sản phẩm.

Về kinh doanh và vận chuyển

Hàng hóa hợp pháp, không liên quan đến phá rừng phải được tách biệt khỏi các hàng hóa khác trong khi buôn bán và vận chuyển. Không được phép trộn lẫn hàng hóa đạt tiêu chuẩn và không đạt tiêu chuẩn hoặc hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ. Trong những trường hợp như vậy, toàn bộ lô hàng sẽ không tuân thủ và không thể được đưa vào thị trường EU.

Về nhập khẩu

Trước khi đưa sản phẩm vào thị trường EU, nhà nhập khẩu phải thực hiện thẩm định. Nhà nhập khẩu phải nộp Tuyên bố thẩm định và sẽ nhận được số tham chiếu và mã thông báo bảo mật, số này phải được khai báo trong tờ khai hải quan nhập khẩu. Chỉ những sản phẩm tuân thủ mới có thể được đưa vào thị trường EU sau khi được cơ quan hải quan cho phép nhập khẩu.

Về sản xuất

Các nhà sản xuất hàng hóa lớn ở EU phải kiểm tra xem hoạt động thẩm định đã được thực hiện ở khâu đầu trong chuỗi cung ứng hay chưa. Các nhà sản xuất lớn phải kiểm tra Tuyên bố thẩm định (DDS) của nhà nhập khẩu hàng hóa và nộp DDS của riêng họ cho sản phẩm của họ, sử dụng số tham chiếu của DDS thượng nguồn. Sau đó, sẽ nhận được số tham chiếu DDS mới và mã thông báo bảo mật.

Về bán hoặc xuất khẩu sản phẩm

Trước khi bán sản phẩm trên thị trường EU, các nhà bán lẻ lớn phải kiểm tra xem việc thẩm định đã được thực hiện ở khâu đầu trong chuỗi cung ứng hay chưa. Nhà bán lẻ phải kiểm tra DDS ngược dòng trong chuỗi cung ứng và gửi DDS của riêng họ dựa trên tất cả các số tham chiếu trước đó. Sau đó, người giao dịch sẽ nhận được số tham chiếu DDS mới và mã thông báo bảo mật. Các công ty nhỏ (SME) không cần phải kiểm tra hoặc gửi báo cáo thẩm định đối với các sản phẩm đã được thẩm định trong chuỗi cung ứng.

Một số đánh giá, khuyến nghị

EU hiện là thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn của Việt Nam, do vậy việc triển khai quy định này sẽ tác động đáng kể đến các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu, trước mắt là đối với mặt hàng chủ lực như cà phê và mặt hàng tiềm năng như cao su và vè lâu dài có thể sẽ mở rộng thêm các sản phẩm nông sản khác bị kiểm soát. Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng, việc gia tăng các tiêu chuẩn xanh, phát triển bền vững là xu hướng tất yếu, không riêng tại thị trường EU. Việc bắt kịp xu thế sẽ tạo ra cơ hội phát triển nhanh chóng, giúp nâng cao sức cạnh tranh và mở rộng thị phần, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp cần lưu ý bám sát và tuân thủ các quy định, điều kiện tiêu chuẩn của thị trường, đáp ứng các biện pháp truy xuất nguồn gốc, đảm bảo rằng nguồn cung ứng các mặt hàng hoặc nguyên liệu không gây phá rừng hoặc suy thoái rừng và tuân thủ các quy định pháp luật. Đồng thời khuyến khích tập trung phát triển các vùng nguyên liệu chuyên canh bền vững, quy mô tập trung theo chuỗi cung ứng nông nghiệp xanh, trên cơ sở áp dụng khoa học công nghệ cao và kỹ thuật số; quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Vụ Thị trường châu Âu-châu Mỹ

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574